

Số: 01/2020/QĐST-KDTM

An Lão, ngày 01 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 5 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2020/TLST-KDTM ngày 05 tháng 3 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL;

Địa chỉ: Số 40-42-44 PHT, phường VTV, thành phố RG, tỉnh KG.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A - chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Phạm Phong H, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Trần Nguyên Hân - chi nhánh Hải Phòng - Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL.

(Giấy uỷ quyền số 2535/UQ-NHKL ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T và vợ là chị Đỗ Thị Mai S;

Đều trú tại: Thôn TT, xã AT, huyện AL, thành phố HP.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Đức H; trú tại: Thôn TT, xã AT, huyện AL, thành phố HP.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL, anh Nguyễn Đức T và vợ là chị Đỗ

Thị Mai S thoả thuận: Anh Nguyễn Đức T và vợ là chị Đỗ Thị Mai S phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL tổng cộng là 500.310.295đ (Năm trăm triệu, ba trăm mười nghìn, hai trăm chín mươi lăm đồng), gồm: Nợ gốc 430.000.000đ (Bốn trăm ba mươi triệu đồng), nợ lãi trong hạn 37.256.849đ (Ba mươi bảy triệu, hai trăm năm mươi sáu nghìn, tám trăm bốn mươi chín đồng), nợ lãi quá hạn 30.279.658đ (Ba mươi triệu, hai trăm bảy mươi chín nghìn, sáu trăm năm mươi tám đồng), phạt chậm trả lãi 2.773.788đ (Hai triệu, bảy trăm bảy mươi ba nghìn, bảy trăm tám mươi tám đồng).

Anh Nguyễn Đức T và vợ là chị Đỗ Thị Mai S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng số 573/18/HĐTD/1403-6163 ngày 24 tháng 12 năm 2018 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL, anh Nguyễn Đức T và vợ là chị Đỗ Thị Mai S, cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Trường hợp các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo sự điều chỉnh biên độ lãi suất của Ngân hàng cho vay mà các bên thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng.

2.2 Xử lý tài sản thế chấp:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL, anh Nguyễn Đức T và vợ là chị Đỗ Thị Mai S, anh Nguyễn Đức H thoả thuận: Nếu anh Nguyễn Đức T và vợ là chị Đỗ Thị Mai S không trả được số tiền nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL được quyền đề nghị phát mại các tài sản thế chấp như sau:

- Quyền sử dụng diện tích đất 103m² và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 32, tờ bản đồ số 294-C-III-2; địa chỉ: Thôn TT, xã AT, huyện AL, thành phố HP. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện An Lão cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN833901 ngày 23 tháng 4 năm 2013 mang tên Nguyễn Đức T và Đỗ Thị Mai S.

- Quyền sử dụng diện tích đất 185m² và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 32, tờ bản đồ số 294-C-III-2; địa chỉ: Thôn TT, xã AT, huyện AL, thành phố HP. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện An Lão cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 684187 ngày 23 tháng 12 năm 2005 mang tên Nguyễn Đức H.

Nếu phát mại tài sản thế chấp mà không đủ trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL thì anh Nguyễn Đức T và vợ là chị Đỗ Thị Mai S phải tiếp tục trả nợ số tiền gốc và lãi còn lại theo thoả thuận tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày quyết định này có hiệu lực đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

2.3 Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Nguyễn Đức T và vợ là chị Đỗ Thị Mai S nộp cả số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 12.006.000đ (Mười hai triệu không trăm lẻ sáu nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL số tiền 11.249.000đ (Mười một triệu, hai trăm bốn mươi chín nghìn đồng) tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm mà Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL đã nộp tại biên lai số 0011319 ngày 04 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

2.4 Chi phí tố tụng khác: Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL nhận chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24 tháng 4 năm 2020 là 5.000.000đ (Năm triệu đồng), Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL đã nộp đủ số tiền này.

Về quyền yêu cầu thi hành: Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HCTP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Tuấn Anh